

Số:151/BC-KĐ

Quận 3, ngày 05 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường Tiểu học Kỳ Đồng
- Địa chỉ:** Số 24 đường Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.39316336. Địa chỉ website: <http://thkydong.edu.vn>.
- Loại hình trường:** Công lập
- Sứ mạng**

Tạo dựng một môi trường thân thiện, kỷ cương, chất lượng tốt, hiệu quả cao để mỗi học sinh phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ. Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc cho học sinh bằng nhiều phương pháp giáo dục tích cực, tiên tiến để các em chủ động tiếp thu kiến thức, phát triển tư duy, hình thành nhân cách, rèn luyện kỹ năng sống; có khả năng thích ứng với xã hội và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn

Xây dựng trường Tiểu học Kỳ Đồng trở thành môi trường giáo dục thân thiện, tích cực, chất lượng cao; là nơi để gia đình và xã hội đặt trọn niềm tin; học sinh yêu thích trong học tập và rèn luyện; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên không ngừng nỗ lực, sáng tạo và vươn lên.

Mục tiêu

Xây dựng nhà trường theo mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp xu thế phát triển của thành phố và đất nước.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trước 30/4/1975, Trường Tiểu học Kỳ Đồng mang tên trường Tư thực Cứu Thế. Sau ngày 30/4/1975, trường mang tên Trường cấp I & II Kỳ Đồng. Năm 1990, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Kỳ Đồng.

Trường Tiểu học Kỳ Đồng tọa lạc tại số 24 đường Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có diện tích 5087,6m², xây dựng thành 3 khu, được bố trí hợp lý với 48 phòng học, 10 phòng chức năng tạo nên cảnh quan nhà trường khang trang, thoáng mát, sạch đẹp. Trường có 02 cổng: Cổng số 24 đường Kỳ Đồng và cổng số 88 đường Bà Huyện Thanh Quan, thuận tiện cho cha mẹ học sinh đưa đón học sinh, không gây trở ngại ách tắc giao thông. Năm 2024-2025, trường thu nhận học sinh có hộ khẩu thường trú tại Phường 9, Quận 3 và khu phố 1, Phường 13, Quận 3.

Từ năm học 1999 đến nay, trường giảng dạy chương trình 02 buổi/ngày có bán trú. Mỗi lớp học là một không gian riêng của giáo viên và học sinh. Học sinh có thể để lại sách giáo khoa, tập vở, bút viết ở trong ngăn tủ, học bàn. Cùng với giáo viên, học sinh đã biết chăm chút, trang trí để lớp học đẹp hơn bằng chính đồ dùng, vật phẩm tự làm ra và do cha mẹ học sinh đóng góp.

Nhà trường luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh ổn định, không có học sinh bỏ học hay ngồi nhầm lớp. Mỗi học sinh được phát triển tùy theo khả năng. Các em nắm vững các kiến thức, kỹ năng đã được rèn luyện theo mức độ chuẩn và có nâng cao, đảm bảo tính vững chắc theo yêu cầu chung của Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm phát triển của cả nước. Có thể nói chất lượng giáo dục của nhà trường luôn phát triển bền vững, tạo được niềm tin trong cộng đồng và xã hội.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	00	01	00	01 Thạc sĩ QLGD
Phó hiệu trưởng	02	00	00	00	02	00	01 Thạc sĩ QLGD
Giáo viên	63	57	03	04	57	02	02 Thạc sĩ GDTH
Nhân viên	10	04	00	06	04	00	
Cộng	76	61	03	10	64	02	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	48/48	Số m ² /học sinh: 2.79 m ²
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	55	-
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ, mượn	-	-
III	Số điểm trông trẻ	-	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5088 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1832 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	3126 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2840 m ²	

2	Diện tích thư viện (m ²)	56 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	144 m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	-	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	192 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	96 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	-	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	-	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	72 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	10	01/lớp
1.2	Khối lớp 2	09	01/lớp
1.3	Khối lớp 3	09	01/lớp
1.4	Khối lớp 4	10	01/lớp
1.5	Khối lớp 5	10	01/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	110	Số học sinh/bộ: 01
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi (tương tác) + loa TV	48	01
2	Cát xét	11	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	
5	Laptop	09	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x		
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				

Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 1

Kết luận: Trường Tiểu học Kỳ Đồng được kiểm định CLGD cấp độ 1 năm 2021

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

* Kết quả chất lượng giáo dục, khen thưởng năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1821	313	340	355	390	423
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1821	313	340	355	390	423
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	<i>Tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	1684 (92,48)	207 (66,13)	338 (99,41)	345 (97,18)	371 (95,13)	423 (100,0)
2	<i>Đạt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	36 (1,97)	5 (1,59)	2 (0,59)	10 (2,82)	19 (4,87)	0 -
3	<i>Cần cố gắng</i> (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,05)	1 (0,32)	-	-	-	-
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	1367 (75,07)	285 (91,05)	294 (86,47)	276 (77,75)	261 (66,92)	251 (59,34)
2	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	447 (24,55)	24 (7,67)	45 (13,24)	78 (21,97)	128 (32,82)	172 (40,66)
3	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	7 (0,38)	4 (1,28)	1 (0,29)	1 (0,28)	1 (0,26)	-
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						

1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1814 (99,62)	309 (98,72)	339 (99,71)	354 (99,72)	389 (99,74)	423 (100,00)
a	<i>Trong đó:</i> <i>HS được khen thưởng cấp</i> <i>trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1528 (83,91)	280 (89,46)	295 (86,76)	260 (73,24)	271 (69,49)	422 (99,76)
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	7 (0,38)	4 (1,28)	1 (0,29)	1 (0,28)	1 (0,26)	-

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Căn cứ vào tình hình thực tế, trường đã ban hành các quy chế thực hiện công tác công khai, quản lý tài sản. Ngay đầu mỗi năm học, hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về công tác công khai trong cơ sở giáo dục theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT. Trong quá trình thực hiện, khi có điểm chưa phù hợp hoặc có vấn đề phát sinh do hướng dẫn chỉ đạo thay đổi của cơ quan quản lý tài chính cấp trên, quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Nhà trường thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản bảo đảm đúng luật, công khai, minh bạch. Hiệu trưởng luôn nhận thức đúng đắn trách nhiệm của mình trong việc huy động và sử dụng nguồn tài chính bảo đảm tiết kiệm nhưng có hiệu quả cao nhất, huy động nguồn tài chính và biết tổ chức phân phối, sử dụng các nguồn tài chính hợp lý nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập ngày càng tốt.

Cơ sở vật chất, tài sản của nhà trường được sử dụng triệt để. Một số tài sản của trường được đưa tới từng lớp, bàn giao cho GV và HS bảo quản, sử dụng có hiệu quả. Trường luôn quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục, cuối mỗi năm có báo cáo cấp trên. Phòng tài vụ tham mưu cho hiệu trưởng về công tác quản lý tài chính, tài sản trong trường, thường xuyên bảo dưỡng, nghiêm túc kiểm kê theo định kỳ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Trường thực hiện tốt các kế hoạch đề ra trong năm học.

- Tham dự đầy đủ các chuyên đề, hội thảo; ngày hội do Ngành giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Tham dự các hội thi giáo viên dạy giỏi quận (06), thành phố (03); hội thi cấp trường có 20 GV. 01 giáo viên đạt công nhận giáo viên giỏi cấp Thành phố

- Thực hiện 12 Chuyên đề dạy học cấp trường: Chuyên đề dạy học phát triển phẩm chất, năng lực HS, tích hợp bài học STEM; Bàn tay nặn bột; Học thông qua chơi; Thể dục, LTVC lớp 4, Tiếng Anh lớp 2...;

- Hội thi kể chuyện theo sách cấp trường;

- Tổ chức SHDC qua bài học hoạt động trải nghiệm các khối luân phiên thực hiện hiệu quả.

- Giáo dục tích hợp qua triển lãm, tham quan không gian văn hóa HCM

- Kết quả chất lượng giáo dục học sinh cuối năm

+ Phẩm chất, năng lực HS: tỷ lệ 100%

+ Hoàn thành lớp học: 1814/1821 - tỷ lệ 99.6%

+ Hoàn thành Chương trình tiểu học: 423/423 - tỷ lệ 100%

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Kỳ Đồng theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024)./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG